TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN T** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản ánsố:18/2020/DS-ST
Ngày 08-5-2020
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T-TỈNH LONG AN

-TXnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn H

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông X Minh T

2.Bà Trần Thị N

-***Thư ký phiên tòa***: bà Nguyễn Thị Anh K - cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tân T.

Ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2020/QĐST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: bà Bùi Thị M, sinh năm 1956 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Xóm Cò, xã Nhơn N, huyện Tân T, tỉnh Long An.

2.*Bị đơn*: bà Huỳnh Thị Hồng Ng (tên gọi khác H), sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Xóm Than, xã Tân B, huyện Tân T, tỉnh Long An.

3.*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: bà Huỳnh Thị Ngọc L, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Xóm Cò, xã Nhơn N, huyện Tân T, tỉnh Long An.

4.*Người làm chứng*:

-Bà Huỳnh Thị Ngọc C, sinh năm 1987 (vắng mặt)

-Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp Kênh Đứng, xã Tân N, huyện Tân T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn bà Bùi Thị M trình bày: Vào ngày 05/6/2014 âm lịch (âm lịch viết tắt al) cho bà Huỳnh Thị Hồng Ng vay 259.000.000đồng, thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, thời hạn trả tiền là 5 năm, biên nhận do Huỳnh Thị Ngọc L viết dùm bà Ng ký tên là Huỳnh Thị H. Sau đó bà Ng trả lãi Xng năm là 30.000.000đồng, trả được 03 năm số tiền 90.000.000đồng, đến tháng 02/2018 bà Ng ngưng trả đến nay. Bà yêu cầu bà Ng trả 259.000.000đồng tiền gốc và trả lãi suất 1%/tháng, tính từ tháng 02/2018 al đến ngày xét xử.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Hồng Ng tại bản tự khai và biên bản hòa giải trình bày: Ngày 05/6/2014 không nhớ ngày âm lịch hay dương lịch có vay bà M 259.000.000đồng, lãi suất 1%/tháng, biên nhận do C ruột Huỳnh Thị Ngọc L viết bà ký tên H. Đến tháng 8/2015 al trả bà M 90.000.000đồng có mặt bà L, và từ tháng 02/2016 đến tháng 7/2016 trả tiếp 70.000.000đồng nhưng không nhớ tiền gốc hay lãi. Sau đó từ tháng 7/2017 al cho đến tháng 7/2018 trả 120.000.000đồng và đến ngày 12/5/2019 trả tiếp số tiền 155.000.000đồng, vì mẹ con nên bà không yêu cầu bà M viết biên nhận. Nay bà xác định trả bà M tổng số tiền 435.000.000đồng, trong đó tiền gốc 259.000.000đồng và trả tiền lãi 176.000.000đồng, nên không đồng ý yêu cầu của bà M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Ngọc L trình bày: Ngày 22/02/2013 chị Ng vay bà M 356.000.000đồng, đến ngày 24/4/2013 mượn 10.000.000đồng và ngày mùng 02/6/2013 mượn thêm 12.000.000đồng. Đến ngày 05/6/2014 al chị Ng trả bà M số tiền gốc 97.000.000đồng trừ vào tiền khoản tiền gốc 356.000.000đồng còn nợ lại 259.000.000đồng nên bà viết lại biên nhận dùm, lãi suất 1%/tháng và chị Ng ký tên Huỳnh Thị H. Đến ngày10/02/2015 al chị Ng giao cho bà 24.600.000đồng tiền lãi, số tiền này bà đã giao trả cho bà M, sau đó Xng năm vào ngày mùng 10 tháng 02 âm lịch chị Ng trả lãi cho bà M cho đến tháng 02/2018 thì ngưng. Nay bà không yêu cầu và ý kiến gì.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*:

Đối với bà Huỳnh Thị Hồng Ng (tên gọi khác H), ngày 15/3/2020 Tòa án tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST-DS ngày 13/3/2020 và Tòa án tiến Xnh niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2020/QĐST-DS ngày 13/4/2020, đồng thời ấn định lại thời gian mở phiên

tòa ngày 08/5/2020 nhưng bà Ng vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản (tiền)" giữa bà Bùi Thị M với bà Huỳnh Thị Hồng Ng là tranh chấp dân sự. Căn cứ Điều 26, 35, 39 BLTTDS nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] *Về nội dung*:

2.1Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án bà Bùi Thị M cung cấp chứng cứ là 01 biên nhận ngày 05/6/2014 của bà Huỳnh Thị H (tức là bà Huỳnh Thị Hồng Ng). Tại biên nhận ngày 05/6/2014 nội dung có ghi: "…con H có mượn của má số tiền 259.000.000đồng (Hai trăm năm mươi chín triệu) với lãi suất 1%/1tháng".

Tại phiên tòa bà M trình bày sau khi hai bên thống nhất lại số tiền nợ 259.000.000đồng nên nhờ bà Huỳnh Thị Ngọc L viết dùm biên nhận ngày 05/6/2014 để bà Ng ký và ghi họ tên, trong biên nhận nợ không ghi thời gian trả mà nói miệng với nhau thời gian trả là 5 năm từ năm 2015 đến năm 2019 nhưng bà Ng không trả. Còn bà Ng (vắng mặt, tại bản tự khai và biên bản hòa giải có trình bày) thừa nhận có vay tiền bà M, nhưng từ tháng 8/2015 đến ngày 12/5/2019 bà đã trả bà M nhiều lần với số tiền gốc 259.000.000đồng nhưng không có viết biên nhận tiền.

Xét thấy giữa bà M với bà Ng là mẹ con, trong quá trình giải quyết thì lời khai của bà Ng không được bà M thừa nhận, nên ngày 06/02/2020 Tòa án ra thông báo cung cấp chứng cứ số 01/2020/TB-TA cho bà Huỳnh Thị Hồng Ng về việc chứng minh số tiền trả cho bà M nhưng đến nay bà Ng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh bà đã trả bà M số tiền nợ gốc 259.000.000đồng. Ngoài ra tại biên bản hòa giải ngày 06/12/2019 bà Ng trình bày từ tháng 8/2015 al đến ngày 12/5/2019 trả tổng cộng cho bà M 435.000.000đồng, trong đó tiền gốc 259.000.000đồng và 176.000.000đồng tiền lãi. Tuy nhiên đến nay bà Ng không chứng minh được.

Mặc khác về phía bà L là con bà M và là C ruột bà Ng cho rằng sau khi bà Ng trả bà M 97.000.000đồng tiền vay ngày 22/02/2013 thì hai bên bà M và bà Ng thống nhất với nhau có nhờ bà viết lại biên nhận nợ ngày 05/6/2014 cho bà Ng ký tên, việc này tại phiên hòa giải bà Ng đã thừa nhận. Như vậy cho thấy việc bà Ng thừa nhận sau khi bà trả cho bà M số tiền nợ 97.000.000đồng của khoản tiền vay năm 2013 còn lại số nợ gốc 259.000.000đồng bà L viết lại dùm biên nhận là hoàn toàn phù hợp với lời khai của bà M và bà Ng. Đồng thời trong biên nhận nợ ngày 05/6/2014 giữa bà M với bà Ng tuy không ghi nhận thời gian bà Ng trả nợ, nhưng bà L khai có nghe bà M và bà Ng nói miệng là trả nợ dần thời gian 5 năm và bà Ng cũng thừa nhận, như vậy cho thấy hai bên thỏa thuận thời gian trả nợ nhưng đến nay bà Ng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là bà hoàn toàn có lỗi và vi phạm hợp đồng với bà M, do đó bà M yêu cầu

bà Ng trả tiền nợ là có căn cứ.

[3]Về khoản tiền lãi suất đã trả, tại phiên tòa bà L trình bày sau khi viết lại biên nhận nợ đến ngày 10/02/2015 al bà Ng có giao cho bà 24.600.000đồng tiền lãi để trả bà M nên bà có viết số tiền bên dưới biên nhận ngày 05/6/2014 al, số tiền bà M thừa nhận có nhận của bà L 24.600.000đồng, ngoài ra bà có biết mỗi năm bà Ng có trả lãi 30.000.000đồng, tính từ tháng 02/2015 đến tháng 02/2018 là 90.000.000đồng, tổng cộng đã trả 114.600.000đồng tiền lãi, còn bà Ng tại biên bản hòa giải ngày 06/12/2019 trình bày đến ngày 12/5/2019 đã trả bà M tổng cộng số tiền lãi 176.000.000đồng. Ngày 06/02/2020 Tòa án ra thông báo số 01/2020/TB-TA cung cấp chứng cứ về việc bà Ng trả tiền lãi nhưng đến nay bà Ng không đưa ra chứng cứ gì để chứng minh bà trả lãi bà M 1760.000.000đồng, nhưng tại phiên tòa bà M thừa nhận đến ngày 10/02/2018 âm lịch bà Ng trả tổng cộng 114.600.000đồng tiền lãi, tuy nhiên trong phiên hòa giải phía bà Ng không yêu cầu tính lại việc trả lãi cho bà M, cũng như bà Ng vắng mặt phiên tòa không có lý do, nên Hội đồng xét xử không xC xét lại việc bà Ng trả lãi cho bà M.

Còn về lãi phát sinh, tại phiên tòa bà M yêu cầu bà Ng trả lãi mức lãi suất 1%/ tháng, thời gian tính từ ngày 11/02/2018 al nhằm ngày 27/3/2018 đến ngày khởi kiện là ngày 25/11/2019 là 19 tháng 28 ngày là phù hợp và có lợi cho bà Ng. Bởi tại biện nhận nợ ngày 05/6/2014 al giữa bà M với bà Ng thỏa thuận với nhau lãi suất là 1%/tháng, như vậy yêu cầu tính lãi của bà M được tính như sau: Tiền gốc 259.000.000đồng x 1%/ tháng x 19 tháng 28 ngày = 51.385.600đồng tiền lãi.

Đối với bà L, tại phiên tòa thừa nhận ngày 10/02/2015 al có nhận của bà Ng 24.600.000đồng tiền lãi và số tiền này bà đã giao lại cho bà Bùi Thị M việc này bà M thừa nhận và bà không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xC xét nghĩa vụ của bà L đối với số tiền này.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử buộc bà Huỳnh Thị Hồng Ng có nghĩa vụ trả bà Bùi Thị M tiền nợ gốc 259.000.000đồng và lãi 51.385.600 đồng, tổng cộng 02 khoản 310.385.600đồng.

[4]Đối với bà M, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án thì có đơn yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là Phong tỏa tài sản là quyền sử dụng đất có diện tích 10.016m^2 do bà M cung cấp 01giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nX ở và tài sản khác gắn liền với đất của bà Huỳnh Thị Hồng Ng được UBND huyện Tân T cấp ngày 24/9/2013 số BP582106, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 0016 thuộc thửa số 621, tờ bản đồ số 8, diện tích 10.016m^2 vị trí tại ấp Lò Đường, xã Tân B, huyện Tân T, tỉnh Long An.

Do đó Tòa án ra Quyết định buộc thực hiện biện pháp đảm bảo số 05/2019/QĐ-BPĐB ngày 29/11/2019 với nội dung: "Buộc bà Bùi Thị M phải gửi tài sản đảm bảo (tiền, kim khí quý, đá quý hoặc giấy tờ có giá) giá trị

50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng) vào tài khoản phong tỏa tại Ngân Xng nông ngiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank)- Chi nhánh huyện Tân T và đồng thời ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2019/QĐ-BPKCTT, ngày 02/12/2019 với nội dung Phong tỏa tài sản đối với quyền sử dụng đất thửa đất số 621, tờ bản đồ số 8, diện tích 10.016m^2 vị trí tọa lạc tại ấp Lò Đường, xã Tân B, huyện Tân T, tỉnh Long An, do bà Huỳnh Thị Hồng Ng đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Xét thấy cần tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2019/QĐ-BPKCTT ngày 02/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân T để đảm bảo thi Xnh án cho bà M và khi nào có đơn yêu cầu Tòa án hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì sẽ xC xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5]Về án phí: bà Ng có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; bà M có đơn xin miễn, giảm tiền tạm ứng án phí, căn cứ vào Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án, thì bà M người cao tuổi nên bà M không phải nộp tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, 35, 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy đinh về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị M.

Buộc Huỳnh Thị Hồng Ng (tên gọi khác Huỳnh Thị H) có nghĩa vụ trả bà Bùi Thị M số tiền 310.385.600đồng (Ba trăm mười triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn sáu trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Xnh án, bên phải thi Xnh án còn phải chịu khoản tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 BLDS năm 2015.

2.Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2019/QĐ-BPKCTT, ngày 02/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân T để đảm bảo thi Xnh án.

3.Về án phí: bà Huỳnh Thị Hồng Ng phải chịu 15.519.280đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4.Báo cho nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận

bản án hoặc bản án được niêm yết hợp L.

Trường hợp bản án được thi Xnh theo quy định tại Điều 2 luật thi Xnh án dân sự thì người được thi Xnh án dân sự, người phải thi Xnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi Xnh án, quyền yêu cầu thi Xnh án, tự nguyện thi Xnh án hoặc bị cưỡng chế thi Xnh án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi Xnh án dân sự; thời hiệu thi Xnh án được thực hiện theo điều 30 Luật thi Xnh án.

Nơi nhận:
-*TAND tỉnh Long An*;
-*VKSND huyện Tân T;*
-*Chi cục THADS huyện Tân T;*
-*Các đương sự;*
-*Lưu VT, hồ sơ vụ án.*

TM-HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn H